


An open book with yellowed pages is the central focus, lying on a light blue surface. Several white lilies with yellow centers and green leaves are arranged around the book, some resting on the pages. The background is a soft, light blue gradient.

Ngữ văn 8

HƯỚNG DẪN GHI BÀI

Các em sẽ ghi bài những
nội dung hoặc những chỗ
có biểu tượng bàn tay
cầm cây viết nhé! 

ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN



TIẾT 50: ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN

I. VĂN TỰ SỰ

1. Lý thuyết

Vì sao một văn bản cần có tính thống nhất? Tính thống nhất của văn bản thể hiện ở những mặt nào?

- Chúng ta cần tóm tắt văn bản tự sự vì:

- + Để lưu giữ và ghi nhớ nội dung chính.
- + Để giới thiệu ngắn gọn văn bản đó cho người khác biết.
- + Để trích dẫn trong những trường hợp cần thiết.

- Muốn tóm tắt văn bản tự sự, cần phải theo đúng trình tự sau:

- + Đọc kĩ để hiểu đúng chủ đề văn bản.
- + Xác định nội dung chính.
- + Sắp xếp nội dung theo trình tự hợp lý
- + Viết thành bản tóm tắt.

Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm có tác dụng như thế nào?

- Việc viết văn bản tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm giúp:

+ Việc kể chuyện sinh động và sâu sắc hơn, nổi bật tính cách nhân vật.

+ Thể hiện được thái độ, tình cảm của người kể.

**Khi viết (nói) đoạn văn tự sự
kết hợp với miêu tả và biểu
cảm cần chú ý những vấn đề
gì?**

**Khi viết (nói) đoạn văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu
cảm cần chú ý:**

- Phải tùy vào nội dung, mục đích và tính chất của văn bản
- Yếu tố tự sự là chính.
- Yếu tố miêu tả, biểu cảm chỉ là phụ. Không nên lạm dụng.

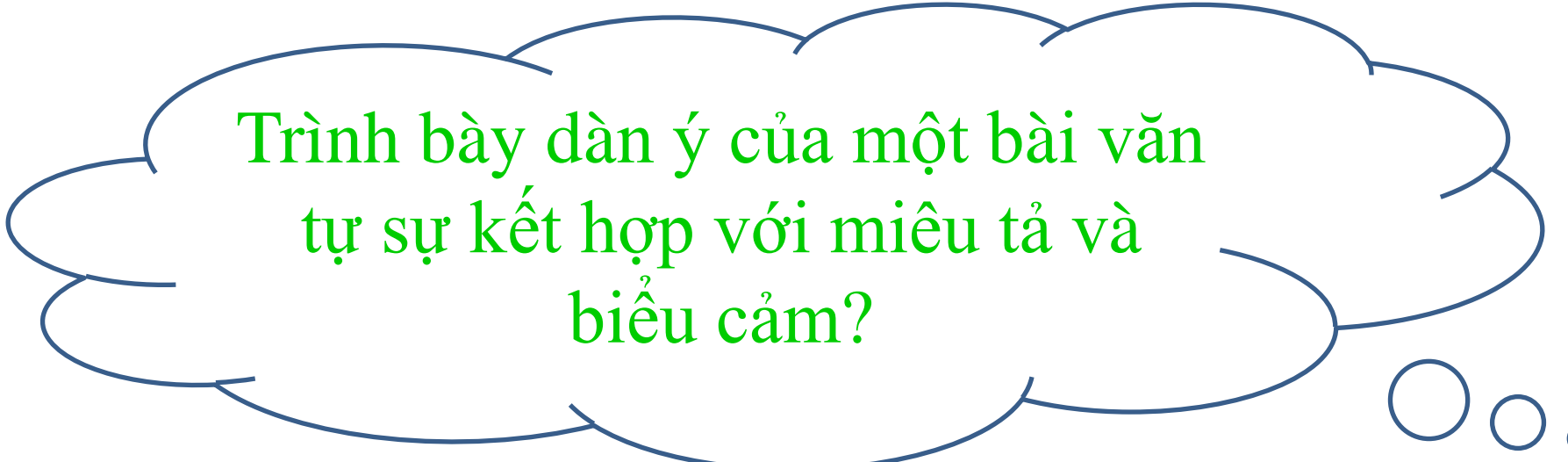
**Hãy nêu một số đề văn tự sự?
Nêu các bước làm một bài văn
tự sự? Nêu đặc điểm của từng
bước?**

*** Một số đề tự sự:**

- 1. Kể lại những kỉ niệm ngày đầu tiên đi học**
- 2. Kể về một việc em đã làm khiến bố mẹ vui lòng**

~~2.~~ Thực hành: Cách làm bài văn tự sự

*** Các bước làm bài văn tự sự: tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý, viết bài theo dàn ý, đọc lại và sửa chữa.**



Trình bày dàn ý của một bài văn
tự sự kết hợp với miêu tả và
biểu cảm?

✎ Dàn ý của một bài văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm:

a. Mở bài: Thường giới thiệu sự việc, nhân vật và tình huống xảy ra câu chuyện.

b. Thân bài: Kể lại diễn biến câu chuyện theo một trình tự nhất định (khi kể thường có sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm).

c. Kết bài: Thường nêu kết cục và cảm nghĩ của người trong cuộc.

Hãy lập dàn cho các đề sau:

1. Kể lại những kỉ niệm ngày đầu tiên đi học.
2. Kể về một việc em đã làm khiến bố mẹ vui lòng.
3. Kỉ niệm đẹp nhất của em về tình bạn tuổi học trò.

1. Kể lại những kỉ niệm ngày đầu tiên đi học

1. Mở bài

- Giới thiệu vấn đề định kể: Ngày đầu tiên đi học

2. Thân bài

a. Tâm trạng của em khi chuẩn bị đến trường

- Soạn sửa sách vở, quần áo thơm tạt chu đáo đợi ngày được đến trường.
- Vui vẻ, háo hức vì sắp được gặp lại bạn bè, thầy cô.
- Suy tư, băn khoăn không biết trong những tháng qua các bạn đã làm gì và thay đổi như thế nào.

b. Kể về ngày đến trường

- Sáng hôm đó dậy sớm để ăn uống và chuẩn bị đến trường.
- Ngạc nhiên trước sự thay đổi của mọi người và cảnh vật: các bạn ai cũng vui tươi và trông lớn hơn hẳn sau một mùa hè. Cây phượng đã rụng hết những bông hoa đỏ của đợt chớm hè...
- Lớp học thơm tho mùi của bàn ghế mới, sách vở mới và những bộ quần áo mới.
- Cô giáo luôn tươi cười và tận tình giảng dạy.
→ Ngày đầu tiên đi học thật vui tươi, hứng khởi.

3. Kết bài

- Nêu cảm xúc về ngày đầu tiên đi học.

2. Kể về một việc em đã làm khiến bố mẹ vui lòng

1. Mở bài

Giới thiệu thời gian, không gian bắt đầu câu chuyện.

- Mẹ đi vắng, giao việc nhà.
- Bạn đến rủ đi chơi.

2. Thân bài

a. Tâm trạng của em trước lời mời mọc

- Vui mừng, háo hức muốn đi ngay với bạn vì đây là cuộc đi chơi rất lí thú, có nhiều bạn tham gia.
- Lo lắng vì công việc nhà làm chưa xong, đồ đạc còn bừa bộn.
- Dẫn đo cân nhắc có nên đi hay không? Vì nếu đi việc nhà còn lại mẹ sẽ về làm (mẹ đã cực nhọc, lại mệt mỏi làm kiếm tiền nuôi em).
- Không đi chơi thì bỏ lỡ cơ hội vui chơi thỏa thích cùng bạn bè (miêu tả cảnh vui chơi).
- Quyết định ở nhà dọn dẹp nhà cửa, trả lời với bạn là không đi.
- Nhìn bạn giận dỗi ra về mà lòng tiếc rẻ nhưng quyết định vẫn không đi.

b. Tâm trạng sau khi làm xong công việc

- Nhà cửa sạch sẽ, thơm mát.
- Nhìn ngôi nhà gọn gàng, ngăn nắp, lòng vui sướng, phấn khởi.
- Sung sướng vì mình đã chiến thắng bản thân.
- Cha mẹ rất tự hào về em.

3. Kết bài: Nêu suy nghĩ và cảm nghĩ của bản thân.

3. Kỷ niệm đẹp nhất của em về tình bạn tuổi học trò.

1. Mở bài:

•Giới thiệu người bạn của mình là ai? Kỷ niệm khiến mình xúc động là kỉ niệm gì? (nêu một cách khái quát).

2. Thân bài:

•Tập trung kể về kỉ niệm xúc động ấy.

•Nó xảy ra ở đâu, lúc nào (thời gian, hoàn cảnh...) với ai (nhân vật).

•Chuyện xảy ra như thế nào? (mở đầu, diễn biến, kết quả).

•Điều gì khiến em xúc động? Xúc động như thế nào (miêu tả các biểu hiện của sự xúc động).

3. Kết bài:

Em có suy nghĩ gì về kỉ niệm đó.

TIẾT 50: ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN

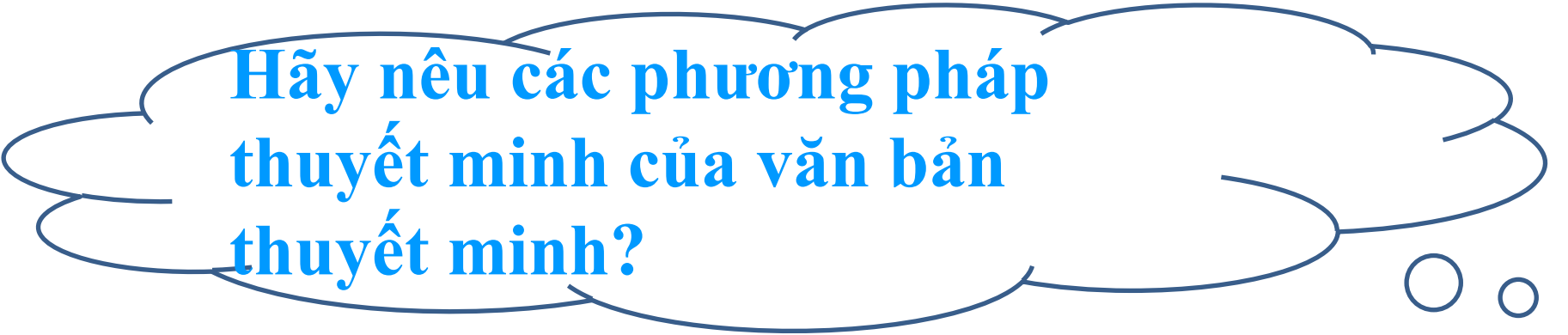
I. VĂN TỰ SỰ

II. VĂN THUYẾT MINH

1. Lý thuyết

Hãy nêu đặc điểm chung của văn bản thuyết minh?

- Văn bản thuyết minh là kiểu văn bản trình bày đặc điểm tiêu biểu của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội bằng phương pháp trình bày, giới thiệu, giải thích.
- Tính chất: khách quan, chân thực, hữu ích.
- Ngôn ngữ: chính xác, rõ ràng, chặt chẽ.



**Hãy nêu các phương pháp
thuyết minh của văn bản
thuyết minh?**

**Các phương pháp thuyết minh của văn bản
thuyết minh**

- a. Phương pháp định nghĩa
- b. Dùng phương pháp liệt kê
- c. Phương pháp nêu ví dụ, dùng số liệu.
- d. Phương pháp so sánh
- e. Phương pháp phân tích, phân loại

~~✎~~ 2. Thực hành: Cách làm bài văn thuyết minh.

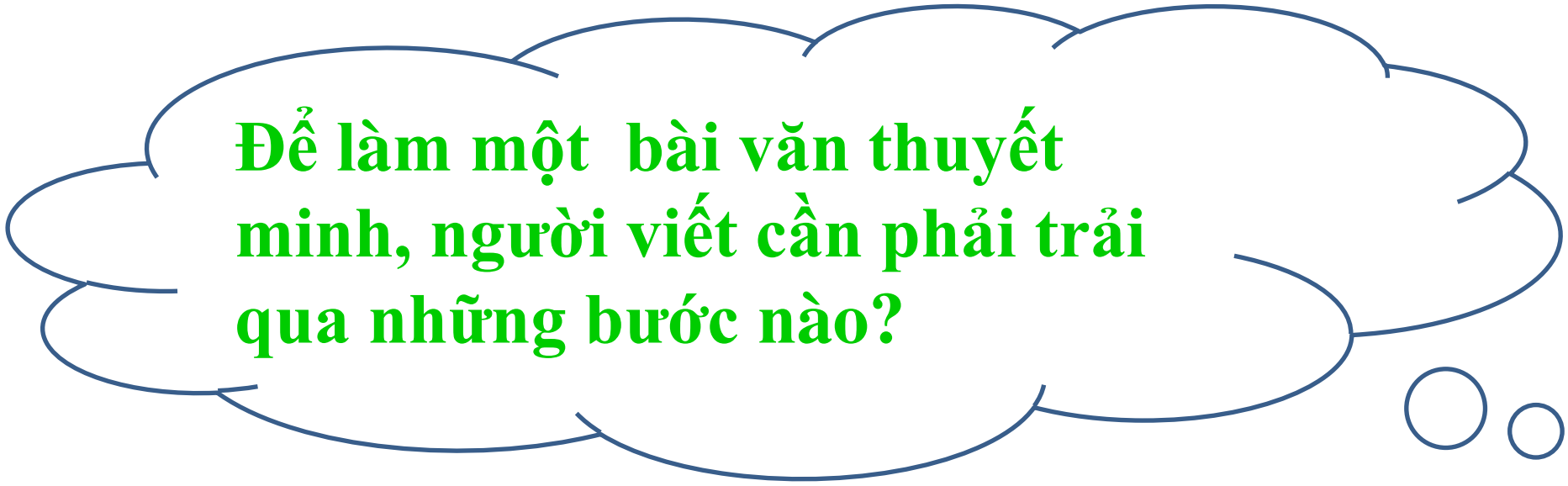
Hãy nêu một số đề văn thuyết minh và nêu đặc điểm của đề văn thuyết minh?

*** Ví dụ một số đề văn thuyết minh:**

1. Thuyết minh về chiếc xe đạp.

2. Giới thiệu về chiếc nón lá Việt Nam

~~✎~~ **Đặc điểm của đề văn thuyết minh: đề văn thuyết minh nêu các đối tượng để người làm bài trình bày tri thức về chúng.**



Để làm một bài văn thuyết minh, người viết cần phải trải qua những bước nào?

Để làm một bài văn thuyết minh: cần tìm hiểu kĩ đối tượng thuyết minh, xác định rõ phạm vi tri thức về đối tượng đó; sử dụng phương pháp thuyết minh thích hợp; ngôn từ chính xác, dễ hiểu.

Trình bày bố cục của bài văn thuyết minh? Nêu yêu cầu chung của từng phần?

~~✗~~ Bố cục của bài văn thuyết minh thường gồm 3 phần:

- Mở bài:** Giới thiệu đối tượng thuyết minh.
- Thân bài:** trình bày cấu tạo, các đặc điểm, lợi ích,... của đối tượng.
- Kết bài:** bày tỏ thái độ đối với đối tượng.

Hãy lập dàn cho các đề sau:

1. Thuyết minh về chiếc xe đạp.
2. Giới thiệu về chiếc nón lá Việt Nam.
3. Giới thiệu về chiếc áo dài Việt Nam.

4. Hãy viết bài văn thuyết minh về một trong hai vật dụng từ hình gợi ý sau:









1. Dàn bài thuyết minh về Chiếc nón lá Việt Nam

I. Mở bài

- Giới thiệu vật cần thuyết minh: Chiếc nón lá Việt Nam

II. Thân bài

1. Lịch sử, nguồn gốc

- Nguồn gốc: xuất hiện trên mặt trống đồng 2500-3500 TCN

2. Cấu tạo chiếc nón lá

- Hình dáng chiếc nón: Hình chóp
- Các nguyên liệu làm nón:
 - + Mo nang làm cốt nón
 - + Lá cọ để lợp nón
 - + Nứa rừng làm vòng nón
 - + Dây cước, sợi guột để khâu nón
 - + Ni lông, sợi len, tranh ảnh trang trí.

- Quy trình làm nón:

+ Phơi lá nón rồi trải trên mặt đất cho mềm, sau đó là phẳng

+ Làm 16 vòng nón bằng cật nứa, chuốt tròn đều

+ Khâu nón: Đặt lá lên khuôn, dùng sợi cước khâu theo 16 vòng để hoàn thành sản phẩm. Khâu xong phải hơi nón bằng hơi diêm sinh.

3. Phân loại:

- Nón lá có nhiều loại như nón Huế, nón Nghệ An, nón quai thao,...

- Các nơi làm nón ở Việt Nam: Huế, Quảng Bình. Nổi tiếng là nón làng Chuông - Hà Tây

4. Tác dụng, ý nghĩa:

- Tác dụng: Che nắng, che mưa làm duyên cho các thiếu nữ, có thể dùng để múa, làm quà tặng.

- Ý nghĩa: Hình ảnh chiếc nón đã đi vào thơ ca và là biểu tượng của người phụ nữ Việt Nam

Cách bảo quản: không dùng để quạt

III. Kết bài

- Nêu tình cảm, cảm xúc và khẳng định vai trò của chiếc nón

2. DÀN BÀI BÀI VĂN THUYẾT MINH VỀ CHIẾC XE ĐẠP

I. Mở bài: giới thiệu về chiếc xe đạp

II. Thân bài: thuyết minh về chiếc xe đạp

1. Lịch sử, nguồn gốc chiếc xe đạp:

2. Cấu tạo chính của chiếc xe đạp: gồm 6 bộ phận chính.

- Hệ thống truyền lực
- Hệ thống chuyển động
- Hệ thống lái
- Hệ thống phanh
- Khung chịu lực
- Yên xe

3. Công dụng của chiếc xe đạp:

III. Kết bài: nêu cảm nghĩ của em về chiếc xe đạp

DÀN BÀI BÀI VĂN THUYẾT MINH VỀ CHIẾC ÁO DÀI VIỆT NAM

I. Mở bài: Giới thiệu về chiếc áo dài .

II. Thân bài:

1. Nguồn gốc: được thấy trên hình vẽ trống đồng Ngọc Lũ...

2. Cấu tạo, hình dáng áo dài

- Áo dài gồm các phần:

+ Cổ áo: thường là cổ cao hoặc cổ tròn

+ Thân áo: từ cổ đến eo, có 2 mảnh bó sát eo.

+ Tà áo: chia làm 2 phần tà áo trước và tà áo sau.

+ Tay áo: không có cầu vai, may liền, kéo dài từ cổ áo.

+ Phần quần: quần áo may rộng có thể cùng màu sắc với áo dài.

- Chất liệu: áo dài thường may bằng chất liệu nhẹ, mềm thoáng.

- Màu sắc đa dạng: không chỉ màu trắng truyền thống mà còn xanh, đỏ, vàng....

- So với áo dài truyền thống áo dài ngày nay thêm nhiều kiểu đặc biệt ở cổ áo như cổ chữ U, cổ tròn.

3. Sử dụng áo dài

- Học sinh sinh viên mặc áo dài đến trường trong những ngày đặc biệt.
- Người lớn mặc áo dài trong những dịp đặc biệt như lễ cưới, sự kiện, dự tiệc...duyên dáng, sang trọng.
- Áo dài còn xuất hiện ở nhiều sự kiện lớn như Apec diễn ra ở Việt Nam.

4. Bảo quản áo dài

- Sau khi sử dụng cần giặt sạch, phơi nơi thoáng mát.Không dùng thuốc tẩy để làm bay màu áo dài.
- Nếu không mặc áo dài thường xuyên nên gấp áo lại và cho vào túi giấy giúp áo luôn mềm và sạch sẽ.

5. Ý nghĩa áo dài

- Tượng trưng cho vẻ đẹp của người con gái Việt Nam yêu kiều, duyên dáng.
- Trang phục đại diện cho hình ảnh người Việt Nam trong mắt bạn bè quốc tế.

III. Kết bài: Nêu cảm nghĩ của em về chiếc áo dài.

4. DÀN BÀI BÀI VĂN THUYẾT MINH VỀ ĐIỆN THOẠI HOẶC IPAD

A. Mở bài: Dẫn dắt và giới thiệu về đối tượng cần thuyết minh (điện thoại thông minh hoặc ipad)

B. Thân bài:

- Nguồn gốc có từ rất lâu, từ chiếc điện thoại có dây, quay số...từ chiếc máy gõ chữ cơ...

- Đặc điểm và hình dáng của đồ dùng

- Chất liệu: tùy vào vật dụng học sinh chọn

- Cấu tạo các phần:

+ Phần vỏ + Ốp lưng + Màn hình + Cấu
hình....

- Cơ chế hoạt động: thuyết minh theo đồ dùng chọn.

- Nhiều loại thiết bị, hãng sản xuất với những thiết kế và giá cả khác

- Các lưu ý khi sử dụng và cách bảo quản:

+ Không được tự ý tháo máy.

+ Cách sạc pin.

+ Cách bảo quản: lau, tránh để nơi có nguồn điện...

- Vai trò và ý nghĩa của đồ dùng:

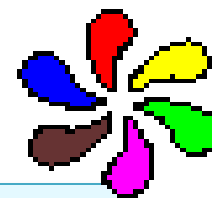
+ Phục vụ nhu cầu con người.


+ Ngoài ra còn có các chức năng lưu trữ, tìm thông tin,...

+ Thiết bị đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống con người thời hiện đại.

C. Kết bài: bày tỏ thái độ đối với đối tượng.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:



- Học thuộc lòng các mục có biểu tượng 
- Viết hết các đề văn trong phần văn thuyết minh.
- Soạn bài mới: . Đập đá ở Côn Lôn.
- + Đọc văn bản,
- + Trả lời câu hỏi SGK,
- + Làm trước phần luyện tập.

